

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 281/2025/HS-PT

Ngày: 15- 4 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Quang Dũng

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Mạnh Hùng

Ông Trần Xuân Thảo

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thu Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 221/2025/TLPT-HS ngày 18 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Văn T bị kết án về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và tội “Giữ người trái pháp luật”, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án số 11/2025/HS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1997 tại huyện C, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện C, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn Đ và con bà Nguyễn Thị Đ; Vợ: Nguyễn Thị H và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/8/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố Hà Nội (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T: Bà Đinh Thị Kim T- Luật sư của Công ty Luật TNHH B, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (có mặt).

Trong vụ án còn có người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, Tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2018, bị cáo Nguyễn Thị C, sinh năm 1962, trú tại số nhà 24, ngõ 222 đường 19/5, tổ dân phố số 1, phường V, quận H, thành phố Hà Nội có quan hệ quen biết với chị Ngô Thị C1, sinh năm 1973, trú tại nhà liền kề SB14, khu chức năng đô thị Đ, tổ dân phố T, phường Đ, quận N, thành phố Hà Nội. Quá trình quen biết, chị C1 đã nhiều lần vay tiền của bị cáo C theo lãi suất thỏa thuận. Ngoài ra từ tháng 01/2018 đến tháng 09/2019, bị cáo Nguyễn Thị C cùng con trai là Nguyễn Hải L, sinh năm 1988 đã nhiều lần chuyển cho chị C1 tổng số tiền 5.183.000.000 đồng để nhờ chị C1 mua đất. Khi nhận tiền mặt của C, chị C1 có ký nhận vào sổ của C, còn nhận tiền của L là hình thức chuyển tiền vào tài khoản của chị C1. Do không thấy chị C1 tìm được đất và không trả lại tiền, C và L đã nhiều lần đòi tiền chị C1 nhưng chị C1 chưa trả. Khoảng cuối tháng 09/2021, do nhiều lần đòi tiền nhưng chị C1 không trả nên bị cáo C đã nhờ Nguyễn Đức H, sinh năm 1989, trú tại khu 2, xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ là người đang làm thuê cho bị cáo C tìm thuê người để giúp đòi nợ chị C1. Khi được bị cáo C nhờ, H1 lên mạng xã hội Facebook tìm kiếm và thấy Công ty thu hồi nợ xấu T, trụ sở tại căn hộ 1128, chung cư HH3 L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội có đăng quảng cáo nhận thu hồi nợ cho các cá nhân, tổ chức. H đã gọi điện thoại vào số điện thoại của Công ty T thì gặp Trịnh Văn T, sinh năm 1990, trú tại số nhà 01, ngách 72/21, đường T, thị trấn V, huyện T, thành phố Hà Nội. Qua trao đổi, T hẹn gặp H và C ở phía sau bến xe Nước Ngầm trên đường Giải Phóng, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Ngày 09/10/2021, H, C ra khu vực phía sau bến xe Nước Ngầm để gặp T. Tại đây, C, H gặp T cùng Mai Văn S, sinh năm 1977, trú tại xóm 6, đội 3, thôn X, huyện X, tỉnh Nam Định và Hồ Sỹ L1, sinh năm 1990, trú tại: Thôn C, xã N, huyện C, thành phố Hà Nội. Khi gặp nhau, C nói cho S biết về việc C và L đã cho chị C1 vay tổng số tiền là 5.183.000.000 đồng, có giấy tờ vay tiền và đã tìm được nơi ở của chị C1. C muốn nhờ S đòi nợ số tiền trên. S đồng ý và nói với C: *“Cô phải ủy quyền cho cháu thì cháu mới làm”*, C đồng ý nên S nói cho C biết về phương án đòi nợ: *“Cháu sẽ đến nhà người ta đợi*

đến khi trả thì mới về, cô phải hỗ trợ cháu chi phí ăn uống đi lại”. Đề hợp thức hóa cho L1 và S đi đòi nợ, ngày 12/10/2021, các bị cáo L1, C ra Văn phòng công chứng Đ tại số nhà 101, đường N, phường N, quận T, thành phố Hà Nội để ký hợp đồng ủy quyền với nội dung C ủy quyền cho S đòi nợ chị C1 số tiền 5.183.000.000 đồng. Sau đó, C cung cấp cho nhóm của S về nơi ở của chị C1 tại nhà liền kề SB14, khu chức năng Đô thị Đ, tổ dân phố T, phường Đ, quận N, thành phố Hà Nội.

Khoảng 21 giờ ngày 13/10/2021, Mai Văn S cùng Hồ Sỹ L1 đến nơi ở chị C1 để đòi nợ cho C. Khi đến và biết chị C1 ở nhà, S đã gọi điện thoại cho C đến. Tại đây, C giao cho S giấy tờ vay nợ có chữ ký của chị C1. Lúc này, S, L1 yêu cầu chị C1 trả 5.183.000.000 đồng cho C nhưng chị C1 nói đã trả nợ hết số tiền 5.183.000.000 đồng, chỉ nợ C 116.000.000 đồng và 06 chỉ vàng. Do nhóm của C có thái độ đòi nợ gầy gắt và thấy S, L1 trên mình xăm trổ, đầu trọc nên chị C1 đã gọi điện thoại báo cho Công an phường Đ, quận N biết. Khi Công an phường Đ đến đã lập biên bản sự việc và yêu cầu các bên giải quyết tranh chấp nợ nần theo đúng quy định của pháp luật nhưng L1, S không chấp hành theo yêu cầu của Công an phường Đ.

Khoảng 02 giờ ngày 14/10/2021, S điều khiển xe ô tô Kia K3 màu đỏ, biển kiểm soát 30E-200.84 đi cùng L1 đến nhà chị C1 và đỗ xe chắn ngang trước cửa nhà để không cho chị C1 đi ra. Tiếp theo, S và L1 chỉ đạo bị cáo Nguyễn Văn T, sinh năm 1997, trú tại: Thôn P, xã P, huyện C, thành phố Hà Nội cùng Lê Minh Đ, sinh năm 1999, trú tại thôn D, xã H, huyện P, thành phố Hà Nội; Phan Hữu V, sinh năm 1995, trú tại ngõ 5, đội 7, thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội; Cao Văn L2, sinh năm 1997, trú tại thôn A, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội; Đặng Đình M, sinh năm 1996, trú tại thôn Ú, xã L, huyện C, thành phố Hà Nội; Dương Đức T1, sinh năm 1995, trú tại thôn P, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội và hai đối tượng tên là T2, T3 “Chều” chia làm 02 ca ngày, đêm để trông giữ chị C1 24/24 giờ. Trong đó, ca ngày từ 08 - 19 giờ gồm có V, Đ, T, S, H và đối tượng tên T2; Ca đêm từ 19 giờ tối hôm trước đến 08 giờ sáng ngày hôm sau gồm có L1, M, L1, T1 và đối tượng tên T3 “Chều”. Nhiệm vụ của cả nhóm là ngăn cản không cho ai ra vào nhà chị C1, không để chị C1 đi ra ngoài, nếu chị C1 đi ra thì giữ lại để yêu cầu trả tiền. Quá trình các đối tượng chặn trước cửa nhà, chị C1 đã 03 lần đi ra ngoài nhưng đều bị các đối tượng do S và L1 chỉ đạo ngăn cản không cho ra. Trong khi trông giữ chị C1 thì các đối tượng gọi cơm hộp đến ăn uống tại chỗ. Khi

có nhân viên giao đồ uống do chị C1 đặt mang đến, S không cho chị C1 nhận mà lấy uống luôn. Khi chị C1 đặt taxi để đi có việc thì S chỉ đạo đồng bọn đuổi taxi đi, không cho đón chị C1. Đến ngày 16/10/2021, S còn gửi ảnh chị C1 cho Nguyễn Đức H và bảo H rửa ảnh chị C1 có in dòng chữ: *“Lừa đảo chuyên nghiệp Ngô Thị C...”* để dán lên tường nhà chị C1 và các nhà xung quanh, mục đích để chị C1 sợ phải trả tiền cho C. Đến khoảng hơn 11 giờ cùng ngày 16/10/2021, L1 gọi điện thoại cho C yêu cầu đưa 20.000.000 đồng để chi phí ăn, đi lại cho cả nhóm thì C đồng ý. Sau đó, L1 gọi điện thoại cho H bảo đến nhà C lấy 20.000.000 đồng về chia cho các đối tượng trông giữ nhà chị C1, mỗi người được 1.000.000 đồng.

Đến khoảng 16 giờ ngày 16/10/2021, khi chị C1 gọi điện thoại cho taxi đến đón để đi ra ngoài thì bị Mai Văn S giữ chị C1 lại, yêu cầu giải quyết xong khoản nợ mới được đi. S ôm chân chị C1 và dùng tay trái xóc nách giữ lại. Cùng lúc này, Lê Minh Đ, Phan Hữu V và Cao Văn L1 đứng xung quanh uy hiếp, chặn không cho chị C1 ra ngoài. Cùng lúc này, Tổ công tác thuộc Phòng Cảnh sát hình sự Công an thành phố Hà Nội phối hợp với Công an phường Đ đang tuần tra kiểm soát trên địa bàn phường Đ, đã phát hiện và bắt quả tang S, Đ, V và L1 về hành vi giữ chị C1 trái pháp luật và đưa về Công an phường Đ để giải quyết.

Sau khi xảy ra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội đã tiến hành khám nghiệm hiện trường vụ án, trưng cầu giám định, thu giữ vật chứng liên quan. Kết quả như sau:

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường hồi 17 giờ 25 phút 16/10/2021, xác định:

“... Hiện trường vụ việc xảy ra tại nhà liền kề SB14, khu chức năng Đô thị Đ, tổ dân phố T, phường Đ, quận N, Hà Nội. Nhà SB14 có cửa ra vào hướng Tây và hướng ra đường nội bộ khu đô thị, liền sát bên phải nhà SB14 nhìn từ ngoài đường vào là nhà SB13 và liền sát bên trái là nhà SB15, vỉa hè phía trước nhà rộng 1m20, trên vỉa hè phía giữa trước nhà SB14 có trồng 01 cây xanh, trên cành cây có treo 01 tấm băng rôn bằng vải, bề mặt trên có ghi hàng chữ cà phê Hồng Đô Trà, phía dưới có nhiều dòng chữ quảng cáo, giữa tấm băng rôn có in đề hình ảnh diện 0m20x0m30, trên hai hình ảnh đề nên này có ảnh một người phụ nữ và dòng chữ: *Gia đình chúng tôi yêu cầu chị Ngô Thị C1 trốn trong nhà xuống để nói chuyện giải quyết dứt điểm số tiền mà chị đã lừa gia đình chúng tôi...* phía dưới vỉa hè và dưới tấm băng rôn

này là nhiều túi nilon màu trắng bên trong có để nhiều hộp nhựa màu xốp trắng hình vuông dùng để thức ăn và cốc nhựa mềm... Nhìn từ ngoài đường vào nhà SB14 được xây dựng 04 tầng, 01 tum, có mái nhọn ở giữa, tại lan can tầng 02 và tầng 03 phía trước ngôi nhà có biển quảng cáo Caphe Hồng Trà- Bất Động Sản.

Mở rộng hiện trường ra bề mặt ngoài trụ công nhà bên trái nhà SB14 và nhà liền kề bên phải nhà từ ngoài vào là nhà SB13 có dán 01 tờ giấy diện 0m20x0m30 trên bề mặt có hình ảnh một khuôn mặt người phụ nữ và dòng chữ phía trên ảnh: *Gia đình chúng tôi yêu cầu chị Ngô Thị C1 trốn trong nhà xuống để nói chuyện giải quyết dứt điểm số tiền mà chị đã lừa gia đình chúng tôi...* phía dưới ảnh là dòng chữ: *Lừa đảo chuyên nghiệp Ngô Thị C1*. Trên bề mặt trụ tường chính, giữa nhà SB13 hướng ra đường có 02 tờ giấy cùng loại với tờ giấy có in ảnh mặt người phụ nữ nêu ở trên; bề mặt ngoài biến thể điện bằng kim loại sơn màu trắng diện 02m00x0m95 lắp đặt trên vỉa hè sát mép bên phải nhìn từ ngoài vào số nhà SB13 có dán 01 tờ giấy cùng loại và cùng nội dung với tờ giấy nêu ở trên; trên mặt ngoài tường nhà liền kề sát nhà SB14 là nhà SB15 có dán 01 tờ giấy có in chữ và ảnh mặt người phụ nữ cùng loại với các tờ giấy dán ở các nơi như đã nêu; trên mặt ngoài tường nhà đối diện với nhà SB15 có dán 01 tờ giấy có in mặt người phụ nữ và chữ viết giống và cùng loại với các tờ giấy nêu trên...”

Quá trình bắt giữ các đối tượng và điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng và đồ vật, tài sản liên quan gồm:

- Thu giữ do Nguyễn Thị C giao nộp: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng.

- Thu giữ do Mai Văn S giao nộp: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng và 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO màu đen.

- Thu giữ do Lê Minh Đ giao nộp: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 105.

- Thu giữ do Phan Hữu V giao nộp: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 2.2 màu đen và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh.

- Thu giữ do Cao Văn L1 giao nộp: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng và 01 chiếc xe máy hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 32-690-H4.

- Thu giữ do chị Đặng Hoài T là vợ của bị cáo Mai Văn S giao nộp: 01 giấy ủy quyền ngày 12/12/2021 và lời chứng của Công chứng viên tại Văn

phòng Công chứng Đ về việc Nguyễn Thị C ủy quyền cho Mai Văn S đòi nợ (Bản chính); 01 quyển vở có dòng chữ “Summer” liên quan đến nội dung vay tiền giữa chị Ngô Thị C1 và Nguyễn Thị C; 04 tờ giấy nộp tiền của ngân hàng Agribank, người nộp tiền là Nguyễn Hải L, người nhận tiền là Ngô Thị C1 và 01 Chứng minh thư nhân dân mang tên Ngô Thị C1 (Bản photocopy).

- Thu giữ do chị Ngô Thị C1 giao nộp: 01 đầu ghi dữ liệu Camera có nhãn hiệu @jhua màu đen thể hiện việc Nguyễn Thị C, Mai Văn S, Nguyễn Đức H, Phan Hữu V, Lê Minh Đ, Cao Văn L1 và Đặng Đình M canh giữ chị C1 tại nhà.

Tại bản Kết luận giám định số: 6916/KL-KTHS ngày 06/10/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội về chữ viết, chữ ký trên quyền sở vay tiền giữa chị Ngô Thị C1 với Nguyễn C, kết luận:

“... 1. Chữ viết phần nội dung trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu từ A1 đến A8, A10, A11) và chữ viết có nội dung: *“tiền L cầm xe đi cấm ngân hàng được 560 đưa vào chung đất 500 còn 60 triệu L tiêu luôn”* trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A1); *“tiền vàng của mẹ: 15 cây... mẹ sẽ hứa với L”* trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A3); *“Cầm đất chưa chia nhau”* trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A4); *“Ngày 6/12/2018... Hà Nội ngày 6/12/2018”* trên mẫu cần giám định (ký hiệu A9); *“Tổng hợp số tiền vay trong sổ... nếu sai tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật.”* trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A12) với chữ viết đúng tên Nguyễn Thị C trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M1, M2) là chữ do cùng một người viết ra.

2. Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Ng~ Thị C (Nguyễn Thị C) dưới chữ ký trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu từ A1 đến A3, A5, từ A7 đến A12); Chữ ký, chữ viết tên C dưới chữ ký trên xác mẫu cần giám định (Ký hiệu A4, A6) với chữ ký, chữ viết đúng tên Nguyễn Thị C trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M1 đến M3) là chữ do cùng một người ký và viết ra.

3. Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Ngô Thị C1 dưới chữ ký trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu từ A1, A2, từ A4 đến A10, A12) với chữ ký, chữ viết đúng tên Ngô Thị C1 trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M4, M5) là chữ do cùng một người ký và viết ra.

*Không đủ cơ sở Kết luận: Chữ viết dòng họ tên Ngô Thị C1 trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu A3) và chữ ký, chữ viết dòng họ tên Ngô Thị C1 dưới chữ ký trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu A11) với chữ ký, chữ viết

đúng tên Ngô Thị C1 trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M4, M5) có phải là chữ do cùng một người ký và viết ra không”.

Đối với việc Nguyễn Thị C và Nguyễn Hải L khai chuyển 5.183.000.000 đồng cho chị Ngô Thị C1 để nhờ chị C1 mua đất nhưng chị C1 không mua đất mà đem cho người khác vay lấy lãi. Cơ quan điều tra đã triệu tập nhưng chị C1 không đến làm việc nên chưa làm rõ được hành vi của chị C1. Ngày 06/01/2023, Cơ quan điều tra đã quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan đến việc chị C1 nhận tiền của C và anh L mua đất để tạm đình chỉ, khi có căn cứ sẽ phục hồi giải quyết sau.

Tại Bản án số 223/2023 HSST ngày 12/06/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thị C 10 năm 06 tháng tù, bị cáo Mai Văn S 10 năm 06 tháng tù, bị cáo Nguyễn Đức H 09 năm 06 tháng tù, bị cáo Đặng Đình M 10 năm tù, bị cáo Cao Văn L 08 năm 09 tháng tù, bị cáo Phan Hữu V 09 năm tù và bị cáo Lê Minh Đ 09 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và tội “Giữ người trái pháp luật” theo điểm a khoản 4 Điều 170 và điểm a khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Hình sự. Bản án trên đã Quyết định xử lý vật chứng và giải quyết phân trách nhiệm dân sự trong vụ án.

Tại Bản án số 818/2023/HSPT ngày 23/10/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã tuyên phạt bị cáo Mai Văn S 09 năm 06 tháng tù, bị cáo Đặng Đình M 09 năm 06 tháng tù về tội Cưỡng đoạt tài sản và tội Giữ người trái pháp luật theo qui định tại điểm a, khoản 4, Điều 170 và điểm a, khoản 2, Điều 157 của Bộ luật Hình sự. Đối với các bị cáo khác vẫn giữ nguyên mức hình phạt như bản án sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn T sau khi phạm tội đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú. Ngày 20/09/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội đã quyết định khởi tố bị can đối với T về tội Giữ người trái pháp luật và tội Cưỡng đoạt tài sản, theo Điều 157 và Điều 170 Bộ luật hình sự. Ngày 10/10/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội đã ra Quyết định truy nã và quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can đối với T. Ngày 18/8/2024, Nguyễn Văn T đã đến Cơ quan An ninh điều tra Công an thành phố Hà Nội đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội.

Tại Bản án số 11/2025/HS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” và tội Giữ người trái pháp luật.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 170; Điểm a khoản 2 Điều 157; Điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 08 năm tù về tội Cường đoạt tài sản; 02 năm 06 tháng tù về tội Giữ người trái pháp luật. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là 10 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 18/08/2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, tuyên quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/01/2025, bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo đề nghị giảm hình phạt tù.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận hành vi phạm tội của mình nêu trong nội dung bản án sơ thẩm là đúng, xác định bản án sơ thẩm kết án bị cáo phạm tội “Cường đoạt tài sản” và tội “Giữ người trái pháp luật” là không oan. Bị cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt tù vì mức hình phạt quá nặng, bị cáo có vai trò mờ nhạt vì bị cáo chỉ có mặt ngày đầu, không gặp chị C1, không tác động gì đến chị C1.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Tòa án cấp sơ thẩm kết án và xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 08 năm tù về tội “Cường đoạt tài sản” và 02 năm 06 tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật” là nghiêm khắc. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới ở khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xét bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo phạm tội có vai trò là người giúp sức thứ yếu không đáng kể, cần áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ ở điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, sửa bản án sơ thẩm và xử phạt bị cáo 4 năm tù đến 5 năm tù về tội Cường đoạt tài sản, 02 năm tù về tội Giữ người trái pháp luật, tổng hợp hình phạt từ 6 năm tù đến 7 năm tù cho cả hai tội.

Người bào chữa nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt thấp hơn Viện kiểm sát đề nghị, xử phạt bị cáo dưới 6 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T làm đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận để xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm là đúng. Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm và tại cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

Tháng 01/2018 đến tháng 09/2019, Nguyễn Thị C và Nguyễn Hải L đã nhiều lần đưa chị Ngô Thị C1 tổng số tiền là 5.183.000.000 đồng để cho vay và nhờ chị C1 mua đất. Do chị C1 không mua được đất, C đã nhiều lần yêu cầu chị C1 trả số tiền trên nhưng chị C1 chưa có tiền trả. C đã nhờ Nguyễn Đức H thuê nhóm của Mai Văn S đòi nợ chị C1. Từ ngày 14-16/10/2021, S đã phân công Nguyễn Văn T, Lê Minh Đ, Phan Hữu V, Cao Văn L1, Đặng Đình M và Nguyễn Đức H đến nhà chị C1 ở liền kề SB14, khu chức năng đô thị Đ, tổ dân phố T, phường Đ, quận N, thành phố Hà Nội. Tại đây, S đã chia T và đồng bọn thành hai nhóm trong giữ suốt ngày đêm, không cho chị C1 ra khỏi nhà. Đồng thời, nhóm của S còn in các nội dung “*Lừa đảo chuyên nghiệp Ngô Thị C1...*” để dán lên tường nhà chị C1 và các nhà xung quanh, mục đích để chị C1 sợ phải trả tiền cho C. Khi chị C1 đi ra khỏi nhà thì bị S ôm chân, dùng tay trái xóc nách giữ lại, còn các đối tượng khác đứng xung quanh chắn không cho chị C1 ra ngoài, yêu cầu phải giải quyết xong khoản nợ mới được đi.

[3] Bị cáo Nguyễn Văn T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã giúp sức các đối tượng khác thực hiện hành vi giữ người trái pháp luật, đe dọa bị hại nhằm đòi nợ trái quy định của pháp luật với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm hại quyền sở hữu và quyền tự do dân chủ của công dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm kết bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”, theo điểm a khoản 4 Điều 170 và tội “Giữ người trái pháp luật” theo điểm a khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện các tình tiết của vụ án, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo và hậu quả bị cáo gây ra, xem xét nhân thân,

vai trò của bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đồng phạm, nhân thân tốt, chưa tiền án tiền sự, nhận thức pháp luật hạn chế. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo được áp dụng thêm tình tiết mới mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng: Các bị cáo phạm tội xuất phát từ việc bị hại nợ tiền đòi nhiều lần không trả nên bị hại có lỗi, các bị cáo chưa chiếm đoạt được tài sản, bị cáo Nguyễn Văn T có ra đầu thú, có vai trò thấp nhất trong vụ án là người giúp sức chỉ tham gia giữ người trái pháp luật một ngày và không có hành động gì tác động đến bị hại, đã nộp 200.000 đồng án phí sơ thẩm; Không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa đề nghị vì tội phạm cấu thành hình thức, các bị cáo chưa chiếm đoạt được tài sản là ngoài ý muốn chủ quan của các bị cáo, hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây thiệt hại cho xã hội, gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Xét thấy, bị cáo Nguyễn Văn T lần đầu phạm tội, có nhân thân tốt, là người có vai trò thấp nhất trong vụ án là người giúp sức không đáng kể, tại cấp phúc thẩm có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, trước lần phạm tội này bị cáo chưa bị vi phạm pháp luật, nhận thức pháp luật hạn chế, bị rủ rê, chưa chiếm đoạt được tài sản nên cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm hình phạt tù cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa là phù hợp.

[5] Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn T được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T và sửa một phần bản án sơ thẩm về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 170, điểm a khoản 2 Điều 157, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58, khoản 2 Điều 54, Điều 55 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 05 (Năm) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và 02 (Hai) năm tù về tội “Giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18 tháng 8 năm 2024.

2. Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tp Hà Nội;
- VKSND tp Hà Nội;
- Trại tạm giam CA tp Hà Nội;
- Cục THADS tp Hà Nội;
- Bị cáo (qua trại TG);
- Người bào chữa;
- Lưu: HS, HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Quang Dũng

